

Bản án số:06/2025/ST-LĐ

Ngày: 11-7-2025

V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Vương Triều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 177/2025/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mộng C, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là bảo hiểm xã hội khu vực XXVII); địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Mộng C trình bày:

Do nhu cầu rút bảo hiểm một lần nên bà Võ Thị Mộng C có liên hệ với bảo hiểm xã hội thành phố T để rút bảo hiểm theo quy định. Bà C đã liên hệ thì được

thông báo từ tháng 8/2011 đến tháng 2/2012 bà C có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH G (trước là công ty TNHH N) và công ty có thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà. Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời gian trên thì bà C cũng đang làm việc tại một công ty khác và cũng tham gia bảo hiểm xã hội. Do đó việc rút bảo hiểm không thể thực hiện được, bà C cho rằng vào thời gian trên bà C có cho bà Trần Thị Kim L mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH G với tên của bà (Võ Thị Mộng C) và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2011 đến tháng 2/2012 nhưng trên thực tế bà Trần Thị Kim L là người trực tiếp làm việc tại công ty. Nhận thấy việc bà Trần Thị Kim L mượn hồ sơ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là sai quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Võ Thị Mộng C (do bà Trần Thị Kim L là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 là vô hiệu.

Do bà Võ Thị Mộng C đồng ý cho bà Trần Thị Kim L sử dụng hồ sơ của mình để làm việc tại Công ty TNHH G1 dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH G vắng mặt.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim L trình bày:

Bà Võ Thị Mộng C và bà Trần Thị Kim L là người quen. Năm 2011 do (Trần Thị Kim L) chưa đủ tuổi lao động nên có mượn hồ sơ cá nhân của bà C để xin việc tại Công ty TNHH G. Trên thực tế bà L là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 thì nghỉ việc. Nay bà C yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Mộng C (do bà Trần Thị Kim L là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 là vô hiệu thì bà L đồng ý. Bà L không yêu cầu gì đối với thời gian tham gia bảo hiểm này.

Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là bảo hiểm xã hội khu vực XXVII) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Từ tháng 7/2010 đến tháng 7/2016 bà C tham gia bảo hiểm xã hội ở Công ty Cổ Phần C1 với số sổ là **8910008848** đã nhận trợ cấp BHXH 1 lần tại BHXH tỉnh An Giang với số tiền 30.229.555 đồng và hưởng chế độ thai sản từ ngày 01/10/2015 đến 31/3/2016 với số tiền 18.377.000 đồng. Từ tháng 4/2017 đến tháng 04/2019, bà Võ Thị Mộng C tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH L1 là **7411228670**. Từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012, bà Võ Thị Mộng C tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH N1 (nay là Công ty TNHH G) với mã số bảo hiểm xã hội là **7411228670**. Mã số BHXH **8910008848** đã được đồng bộ sang mã số **7411228670**. Trong quá trình làm việc các Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã

hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà Võ Thị Mộng C, sinh ngày 11/6/1989, số căn cước công dân 089189005491. Các Công ty bà C tham gia đều đã được bảo hiểm xã hội xác nhận chốt sổ, nhận trợ cấp BHXH 1 lần và hưởng chế độ thai sản.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật,

Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Về kiến nghị khắc phục: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Võ Thị Mộng C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Võ Thị Mộng C (do bà Trần Thị Kim L là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH G, địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Mộng C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L và Bảo hiểm thành phố T (nay là bảo hiểm xã hội khu vực XXVII) có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH G đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung có yêu cầu: Bà Trần Thị Kim L sử dụng hồ sơ xin việc mang tên bà Võ Thị Mộng C để ký kết hợp đồng lao động với Công ty G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012, được công ty tham gia BHXH thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số: **7411228670** cho bà Võ Thị Mộng C, đồng thời tại thời điểm từ tháng 7/2010 đến tháng 7/2016 bà C tham gia bảo hiểm xã hội ở Công ty Cổ Phần C1 với số sổ

là **8910008848**. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc bà L sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của bà C để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015), yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Võ Thị Mộng C và Công ty TNHH G từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4.1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ chối nhận các quyền lợi có liên quan đến việc tham gia BHXH tại Công ty TNHH G. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có yêu cầu phản tố. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mộng C về việc “tranh chấp hợp đồng lao động” đối với bị đơn Công ty TNHH G.

2. Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Mộng C (do bà Trần Thị Kim L ký kết) với Công ty TNHH G, thời gian làm việc từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2012 vô hiệu. Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là bảo hiểm xã hội khu vực XXVII) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Võ Thị Mộng C theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Võ Thị Mộng C tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000995 ngày 24/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo